

Mục tiêu và giải pháp bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường cho nhân dân

○ TRẦN KING BANG
Đài truyền hình Việt Nam

Nước sạch, vệ sinh môi trường (NS,VSMT) liên quan đến tất cả mọi người, mọi vùng, nhất là các vùng dân nghèo ở nông thôn. Từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh công tác xã hội hóa cung cấp NS,VSMT nông thôn và đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ.

Những thành tựu đáng khích lệ

Trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước bền vững, phong trào xã hội hoá NS,VSMT được triển khai sâu rộng trong cả nước. Các mô hình cộng đồng cam kết, ký hương ước bảo vệ môi trường (BVMT) ra đời và phát triển mạnh. Trên cơ sở các quy định của hương ước, nhiều thôn xóm đã tổ chức vận động thành lập các tổ vệ sinh hoạt động dựa

trên sự đóng góp kinh phí của các hộ dân để làm nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải, khơi thông cống rãnh tới nơi quy định. Mô hình tự quản về BVMT đã được thu gọn trong thôn xóm và phát huy hiệu quả vai trò của người dân đối với công tác BVMT. Những mô hình lồng ghép xóa đói giảm nghèo với cung cấp NS,VSMT đã và đang được sự ủng hộ và tham gia nhiệt tình của các công đồng dân cư ở các vùng nông thôn.



Nhiều mô hình về tổ chức quản lý, xây dựng triển khai các giải pháp khoa học công nghệ, vận hành các công trình cấp nước, BVMT nông thôn ở các tỉnh đã được hình thành. Các phong trào quần chúng BVMT, các hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường xuất hiện ở nhiều địa phương. Đây chính là các mô hình dưới dạng cam kết môi trường ở các vùng nông thôn đồng bằng. Ở miền núi, vấn đề bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học được quy ước chặt chẽ trong các hương ước, quy ước của làng, xã, cộng đồng.

Chúng ta đã có nhiều mô hình, điển hình tiên tiến về cung cấp NS,VSMT nông thôn. Đáng chú ý là, mô hình xã hội hóa NS,VSMT đang được triển khai có kết quả ở nhiều địa phương trong cả nước. Đó là mô hình cổ phần hóa thu gom, xử lý rác đô thị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng (Lạng Sơn), Hợp tác xã NS,VSMT ở Tây Tựu (Hà Nội), Hải Bình (Tĩnh Gia, Thanh Hóa), Công ty Môi trường đô thị thành phố Đà Nẵng, Hợp tác xã Thắng (Hiệp Hòa, Bắc Giang). Những mô hình này do chính người dân góp vốn và đứng ra làm chủ có tác dụng rất tích cực, vì chỉ khi họ tự tạo nguồn nước sạch, giữ vệ sinh môi trường cho chính gia đình mình thì mới nhanh chóng mở rộng phạm vi cung ứng nước và vệ sinh môi trường. Điều quan trọng là, đã tạo được động lực trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, huy động được các nguồn lực xã hội, xây dựng và phát triển dịch vụ cấp nước, vệ sinh môi trường.

Mô hình hộ nông dân thực hiện vệ sinh môi trường bằng hầm bi-ô-ga và tự sản xuất phân hữu cơ

sinh học trên nền than bùn đã được thí điểm ở nhiều nơi như các huyện ứng Hòa (Hà Nội), Bình Lục và Kim Bảng (Hà Nam), Văn Hà (Bắc Giang), Nam Đàn (Nghệ An), Tiên Giang, Bến tre. Mô hình này đã kết hợp được lợi ích môi trường, sức khỏe và tăng thu nhập, đồng thời giúp nông dân biết cách làm giàu nguồn phân bón cả về lượng và chất, góp phần cải tạo đồng ruộng. Đưa mô hình này lên trung du, miền núi đã hạn chế nạn phá rừng, cải tạo nguồn phân hữu cơ để trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc. Đưa mô hình vào vùng đất xấu như gò đồi, đất cát phát huy tác dụng cải tạo đất bạc màu, tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Chúng ta cũng đã xây dựng được nhiều mô hình công nghệ cấp nước cho miền núi, có thể tận dụng nguồn nước mưa dồi dào, sẵn có tại các vùng khan hiếm nguồn nước ngầm hoặc nguồn nước mặt bị ô nhiễm nặng. Mô hình này đang được áp dụng ở các tỉnh miền núi như: Lào Cai, Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên (Yên Bái), Định Giao, Tân Lạc, Mai Châu, Kim Bôi (Hòa Bình). Mô hình cung cấp nước hệ tập trung vừa và nhỏ, phù hợp với vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long và các vùng dân cư tập trung như thị trấn, thị tứ, làng, xã vừa rẻ tiền, vừa dễ quản lý, bảo vệ được nguồn nước ngầm. Mô hình gắn cung cấp NS,VSMT với quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông, đây là mô hình hiện đại và có hiệu quả nhất, để khai thác nguồn lợi của khu vực, đi đôi với bảo vệ dòng sông, đang được thực hiện ở sông Nhuệ, sông Hàn, sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

Mô hình cấp NS,VSMT ở xã Quảng Đông, Quảng Xương (Thanh Hóa), xã Phú Thượng (Võ Nai, Thái Nguyên), xã Tân Yên (Lục Ngạn, Bắc Giang)... đã giúp các hộ gia đình có nước sạch. Hằng tháng các xã đều phát động tổng vệ sinh. Các thôn chủ động xây dựng quỹ môi trường do thôn quản lý. Phong trào vệ sinh sạch làng, tốt ruộng đi vào nếp sống văn hóa của mỗi gia đình. Các đoàn thể quần chúng thường xuyên tham gia vận động tuyên truyền cho hoạt động NS,VSMT. Hiện nay, đã có hơn 400 hệ tự chảy đang hoạt động, bảo đảm cung cấp nước sạch cho các vùng dân nghèo ở nông thôn.

Mô hình cam kết BVMT ở các tỉnh: Điện Biên, Bắc Giang, Lào Cai mang lại hiệu quả cao trong việc BVMT miền núi, góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc trong công tác BVMT, xóa bỏ những tập quán lạc hậu làm suy thoái, ô nhiễm môi trường. Các mô hình này cũng mang lại cho đồng bào dân tộc nhiều việc làm và thu nhập qua việc phát triển kinh tế vườn rừng kết hợp với bảo vệ rừng và môi trường. Thực hiện mô hình nông - lâm kết hợp vừa phát huy hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, vừa khai thác hợp lý, có hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên rừng và các nguồn lợi khác để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân miền núi.

Những mô hình, điển hình tiên tiến từ phong trào xã hội hoá về NS,VSMT góp phần nâng cao tỷ lệ người dân được dùng nước sạch ở nông thôn, cải thiện một bước đáng kể về tình trạng

NS,VSMT. Những mô hình, điển hình do chính người dân đứng ra góp vốn và làm chủ đã có tác động tích cực nhanh chóng mở rộng phạm vi cung ứng NS, VSMT một cách bền vững. Qua điều tra thực tế cho thấy, có 58% dân số ở nông thôn đã được giải quyết nước sạch và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc về nước sạch ở các vùng nông thôn đồng bằng, miền núi đang từng bước được cải thiện.

Mặc dù chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng tình hình NS,VSMT vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Mật bằng nhận thức về BVMT trong xã hội vẫn còn thấp. ý thức BVMT vẫn chưa thành thói quen, nếp sống trong cộng đồng; nhiều thói quen xấu gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng chưa được ngăn chặn hiệu quả. Nhiều bộ, ngành, địa phương trong chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ chính trị còn nặng về các mục tiêu kinh tế, coi nhẹ các yêu cầu BVMT. Nhiều vấn đề bức xúc ở các khu công nghiệp tập trung, làng nghề, lưu vực sông vẫn chưa được xử lý triệt để, gây ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế, xã hội và sức khỏe của cộng đồng dân cư. Bộ máy quản lý nhà nước về BVMT chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, nhất là đội ngũ cán bộ cấp xã. Đầu tư cho hoạt động BVMT còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu; kết cấu hạ tầng BVMT yếu kém. Hệ thống pháp luật và chính sách về môi trường còn thiếu nhiều và chưa đồng bộ, nhất là các quy định liên quan đến kinh tế môi trường, thúc đẩy xã hội hóa và phát triển dịch vụ môi trường.

Mục tiêu và giải pháp

Đảng ta đề ra mục tiêu đến năm 2020, đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 45%. Hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị xử lý chất thải; trên 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn môi trường. Các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm môi trường nặng. Chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng, trước tiên đối với các vùng dễ bị ảnh hưởng, các vùng ven biển nước ta.

Để vượt qua những khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các mục tiêu cung cấp NS,VSMT cho nông thôn, nhất là các vùng dân nghèo, chúng ta cần phải tập trung giải quyết một số nhiệm vụ cụ thể và cấp bách sau:

Giải quyết cơ bản nước sinh hoạt cho nhân dân ở các vùng nông thôn; khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng bừa bãi, gây cạn kiệt, ô nhiễm các nguồn nước. Xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các khu dân cư do chất thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Ưu tiên phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, các hệ sinh thái đang bị suy thoái nặng. Xây dựng các phong trào quần chúng tham gia BVMT

Tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác BVMT, phát huy quyền làm chủ của người dân, nhất là tham gia các ý kiến vào các chủ trương, chính sách có liên quan đến môi trường. Hình thành các loại hình tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận, chứng nhận về BVMT, phát triển các loại hình dịch vụ về môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân dễ dàng tiếp cận các thông tin, các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng lực của họ về môi trường.

Thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp, trong đó ưu tiên cho việc tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa khối lượng rác chôn lấp. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Chấm dứt nạn đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn ra sông, rạch, ao hồ; xử lý ô nhiễm và BVMT các lưu vực sông.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân các mô hình mới, kinh nghiệm tốt, điển hình tiên tiến về NS, VSMT. Đây là vấn đề rất quan trọng không chỉ cho các cơ quan, đoàn thể mà mọi người dân thấu hiểu, học tập, làm theo mô hình tốt, điển hình tiên tiến. Hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh chung, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen, nếp sống không văn minh, không hợp vệ sinh. Tích cực xây dựng các công trình NS,VSMT cho nhân dân. ■